TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/DS-ST
Ngày: 25/7/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Bình;

Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày **25** tháng 7 năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2018/QĐXXST - DSST ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thu N**, sinh năm 1983.

Cư trú: : Số nhà 331, ấp V, xã V, huyện A, An Giang.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1977.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm: 1977

Cùng cư trú: tổ 8, ấp P, xã P, huyện A, An Giang.

(Tại phiên tòa bà N, bà T có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 11/01/2018 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Phan Thị Thu N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, cùng là giáo viên với nhau nên vào ngày 10/6/2017 bà có cho bà T vay với số tiền vốn là 80.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, khi vay bà T có làm biên nhận nợ với bà. Bà T hẹn 01 tháng sau sẽ trả lại cho bà cả vốn và lãi, mục đích vay là để bà T lo cho công việc gia đình, vì chồng bà làm nghề

chạy xe ôm bị tai nạn va quẹt với người khác, cần tiền để lo thuốc men điều trị cho người bị tai nạn.

Ngoài ra trước đó, vào ngày 10/3/2017 bà T còn vay của bà với số tiền vốn là 40.000.000đ, vay không lãi suất và bà T có làm biên nhận nợ. Số tiền này là do bà T nợ người khác, bà ra tiền trả cho bà T và bà T không trả lại cho bà, nên bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại. Tuy nhiên, trong giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000đ này và sẽ khởi kiện bà T bằng một vụ án dân sự khác.

Nay bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền vốn là 80.000.000đ và lãi suất theo mức mà các bên đã thỏa thuận từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Về trách nhiệm trả nợ, do bà T vay tiền của bà nhằm mục đích chi tiêu cho gia đình nên bà yêu cầu chồng bà là ông P – chồng bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T để trả nợ cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Về nội dung vụ án bà thống nhất với lời trình bày của bà N. Bà thừa nhận có vay tiền của bà N với số tiền vốn là 80.000.000đ, lãi suất 10%/tháng, vay nhằm mục đích trả nợ cho các chủ nợ khác với lãi suất cao hơn. Bà là giáo viên, chồng chạy xe ôm do thu nhập không đủ sống nên mua bán nhỏ lẻ để kiếm thêm thu nhập. Do không đủ tiền để trang trải bà phải vay mượn thêm để chi tiêu cho gia đình. Việc vay tiền chồng bà ông P không biết. Nay bà cũng đồng ý trả cho bà N số tiền vốn là 80.000.000đ và trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 10/6/2017 đến nay, đồng thời xin trả mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Việc vay tiền không liên quan đến chồng bà ông P, nên xin một mình trả nợ cho bà N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng P đã được tống đạt thông báo hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để đến tham dự các phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà hôm nay: Bà N, bà T bảo lưu ý kiến; ông P vắng mặt lần 2 nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông P đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưngvẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Hợp đồng vay tài sản". Do tranh chấp hợp đồng dân sự nên Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu – thẩm quyền: Các bên xác định cho vay vào tháng 6/2017, do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, đến tháng 01/2018, bà N khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà T cư

trú tại xã P, huyện A, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được lập thành văn bản trên cơ sở các bên tự thỏa thuận với nhau đúng theo nguyên tắc tự nguyện phù hợp với pháp luật nên xem là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên thống nhất thanh toán số nợ 80 triệu đồng tiền vốn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Tuy nhiên, việc bà cho bà T vay tiền với lãi suất 10% là cao so với quy định của pháp luật và cần phải được xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 10/3/2017, nghĩ nên chấp nhận, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà N.

Về lãi suất: Bà N yêu cầu tính lãi suất từ tháng 6/2017 đến khi xét xử, theo mức lãi suất thỏa thuận, đối với số tiền 80.000.000đ, bà T xin được trã lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa, qua giải thích pháp luật của Hội đồng xét xử bà N đã đồng ý trả lãi theo quy định.

Xét thấy khi hai bên thỏa thuận vay tiền là có thỏa thuận lãi suất, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Theo Quyết định số 2868/QĐ.NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định hiện nay là 9%/năm bằng 0.75%/tháng, lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự được nhận là không quá 20%/năm bằng 1.667%/tháng, nên lãi suất được tính theo quy định, cụ thể như sau:

Từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2018 là 13 tháng, được tính: 80.000.000 x 1.6667% x 13 tháng = 17.333.680đ.

Như vậy, cả vốn và lãi bà T phải có trách nhiệm trả cho bà N với số tiền là 97.333.680đ là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà T và ông P là vợ chồng, bà T vay tiền của bà N là để phục vụ cho mục đích chi tiêu cuộc sống gia đình. Do đó, ông P phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T để trả nợ cho bà N là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền 40.000.000đ Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, khi bà N có đơn khởi kiện.

[5] Về án phí: Bà T, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 điều 280, điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu N.

Bà Nguyễn Thị Hồng T phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Hoàng P trả cho bà Phan Thị Thu N số tiền 97.333.680đ (chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N với bà T đối với số tiền 40.000.000đ tại biên nhận nợ ngày 10/3/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bà T và ông P phải chịu 4.866.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho bà N 4.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002740 ngày 15/01/2018

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Thanh Hoàng